

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HS-ST
Ngày 09/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Mạnh Hùng và ông Trần Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 85/2019/TLST- HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST- HS ngày 12/7/2019, đối với bị cáo:

ĐẶNG THỊ Đ, sinh ngày 02/02/1967 tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 21 (nay là tổ 02), phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn G và bà Nguyễn Thị N; chồng: Trần Xuân Th và có 02 con;

- Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ 02, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Trương Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 22 (nay là tổ 02), phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng. Có mặt.

* Người làm chứng:

+ Anh Trương Văn H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 22 (nay là tổ 02), phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;
nghề nghiệp: Làm ruộng. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 22 (nay là tổ 02), phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 28/8/2018, bị cáo Đặng Thị Đ đến khu vườn rau của gia đình mình (thuộc soi Tình Húc - tổ 22, phường H, thành phố T), bị cáo nhìn thấy có một luống rau của nhà mình bị chết do thuốc diệt cỏ, cạnh vườn rau nhà bị cáo là vườn rau của gia đình bà Trương Thị T (là em dâu bị cáo) cũng có cỏ chết do thuốc diệt cỏ, bị cáo Đ cho rằng bà T đã phun thuốc diệt cỏ làm chết rau của nhà mình. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày bị cáo đi về nhà, khi đi qua cổng nhà bà T, nhìn thấy bà T đứng ở sân, bị cáo hỏi bà T về việc phun thuốc diệt cỏ làm chết rau nhà mình. Sau đó bị cáo và bà T cãi, chửi nhau, bà T cầm một số vỏ chai nhựa ném về phía bị cáo nhưng không trúng, bị cáo cũng nhặt một viên gạch xi măng để dọa bà T nhưng không ném rồi vứt viên gạch đi. Khi bà T đi về phía bị cáo, hai người vẫn cãi, chửi nhau, và cả hai người đã túm tóc, giật tóc và xô đẩy nhau thì bà T bị ngã xuống mặt đường đất, đá trong tư thế nằm ngửa, lưng và gáy tiếp xúc với mặt đường. Bị cáo ngồi lên người bà T dùng hai tay túm tóc, ghì đầu bà T xuống mặt đường không cho bà T ngồi dậy, còn bà Tiến cũng túm tóc bị cáo kéo xuống. Lúc này, có anh Trương Văn H (là em trai bà T) đi đến can ngăn và gỡ hai người ra. Sau đó bị cáo đi về nhà, còn bà T bị chấn thương vùng cổ không dậy được vẫn nằm trên đường và đã được gia đình đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang và Bệnh viện hữu nghị Việt Đức - Hà Nội.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 6989/C09-TT1 ngày 24/01/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: Đối chiếu bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho từng thương tích của bà Trương Thị T tại thời điểm giám định như sau:

+ Sẹo mổ vùng cổ trước bên phải: 01% (áp dụng Mục 1, Phần 1, Chương 9).

+ Trượt thân đốt sống C4-5 kèm thoát vị đĩa đệm C3-4, C4-5, C5-6, không tổn thương thần kinh: 24% (áp dụng Mục 8, Phần XII, Chương 8).

+ Võ cung sau và mấu dưới của khớp bên trái đốt sống cổ C5: 06% (vận dụng Mục 5, Phần XII, Chương 8).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ y tế, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Trương Thị T tại thời điểm giám định là 29% (Hai mươi chín phần trăm).

- Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương của bà Trương Thị T do vật tày gây nên.

Tại bản Cáo trạng số 87/CT-VKSTP ngày 26 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Đặng Thị Đ về tội *Cố ý gây thương tích* theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đặng Thị Đ về tội *Cố ý gây thương tích* và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm s, điểm i, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Thị Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Trương Thị T, bị hại có một phần lỗi nên phải chịu 1/3 thiệt hại. Số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại là 60.602.000đồng.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch; tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo trình bày lời bào chữa cho rằng bị hại Trương Thị Tiến có một phần lỗi là bà T đã phun thuốc diệt cỏ làm chết rau nhà bị cáo và bà T có hành vi lăng mạ bị cáo trước nên đề nghị HĐXX xem xét.

Bị hại Trương Thị T nhất trí với luận tội, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo, bị hại không khiếu nại, thắc mắc gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị Đ tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời

khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhất trí với kết luận giám định pháp y thương tích của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Bị cáo khẳng định lời khai trong giai đoạn điều tra là tự nguyện và bị cáo đã thành khẩn khai báo. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng vụ án xảy ra có một phần lỗi của bị hại T, nguyên nhân xuất phát từ việc bà T phun thuốc diệt cỏ làm chết rau của nhà bị cáo và bà T có lời nói xúc phạm đến bị cáo trước nên bị cáo bức xúc, không kiềm chế được bản thân và đã có hành vi giật tóc, túm tóc, xô đẩy bà T và bà T ngã xuống đường, mặt đường nơi xảy ra là đường đất, đá ghồ ghề nên khi bà T ngã xuống đã bị thương tích. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện đã tác động vào cơ thể của bà T gây thương tích cho bà T là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và đã có thiệt hại về sức khỏe xảy ra đối với bà Trương Thị T là 29%. Như vậy, bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo Đặng Thị Đ về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Trong vụ án này, bị hại Trương Thị T cũng có một phần lỗi là túm, giật tóc bị cáo, hành vi này của bà T đã bị cơ quan Công an thành phố Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (bằng hình thức phạt tiền), vì vậy khi quyết định hình phạt HĐXX cần xem xét áp dụng mức án cho phù hợp với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội đã thành khẩn khai báo và bị hại cũng có một phần lỗi nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trước ngày mở phiên tòa, bị hại Trương Thị T có đơn yêu cầu bị cáo Đặng Thị Đ phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền là: 149.403.000đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng*); các khoản yêu cầu cụ thể như sau:

- Chụp XQ sọ não (28/8/2018): 1.072.000đồng
- Khám ngoại (28/8/2018): 39.000đồng
- Cước dịch vụ An sinh (28/8/2018): 2.600.000đồng
- Mua thuốc ngoài Bảo hiểm (28/8/2018): 2.755.000đồng
- Thanh toán dịch vụ (29/8/2018): 4.000.000đồng
- Mua nẹp cổ (29/8/2018): 48.000đồng
- Thanh toán điều trị nội trú (31/8/2018): 2.984.000đồng
- Tiền thuốc (05/9/2018): 958.300đồng
- Tổng chi phí dịch vụ (05/9/2018): 37.269.826đồng
- Cước dịch vụ An sinh (06/9/2018): 2.600.000đồng

- Thanh toán tiền viện (14/9/2018): 8.379.000đồng
- Thanh toán giường nằm (14/9/2018): 1.800.000đồng
- Khám lại tại BV Việt Đức (04/10/2018): 837.000đồng
- Chụp XQ (04/10/2018): 163.000đồng
- Mua thuốc (04/10/2018): 1.214.000đồng
- Thuê xe đi khám (04/10/2018): 2.000.000đồng
- Khám tại Trung tâm giám định pháp y tỉnh Tuyên Quang (26/11/2018): 190.000đồng
- Khám nội (12/12/2018): 350.000đồng
- Chụp cắt lớp tại bệnh viện 178 Thái Hà (12/12/2018): 1.50.000đồng
- Khám thăm dò chức năng (12/12/2018): 140.000đồng
- (Tổng chi phí nằm viện có hóa đơn, chứng từ là 70.203.000đồng)*
- Tiền công của người chăm sóc: 2 người x 200.000đồng/người/ngày x 18 ngày = 7.200.000đồng (trong thời gian nằm viện)
- Tiền công thuê người chăm sóc trong thời gian sau mổ tại nhà: 1 người x 200.000đồng x 60 ngày = 1.200.000đồng
- Thu nhập bị mất từ ngày 28/8/2018 đến nay (tính tròn 10 tháng): 6.000.000đồng/tháng x 10 tháng = 60.000.000đồng

=> Tổng cộng tất cả các khoản phải bồi thường là 149.403.000đồng.

Tại phiên tòa, bị hại thay đổi yêu cầu bồi thường về tiền công của người chăm sóc và thu nhập thực tế bị mất, bị hại đề nghị tính theo mức thu nhập bình quân tại địa phương là 4.500.000đồng/tháng : 30 ngày = 150.000đồng/ngày (theo tài liệu do cơ quan điều tra thu thập). Yêu cầu về thu nhập bị mất của người chăm sóc và thu nhập bị mất của bị hại, bà T đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật; bà T không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

HĐXX thấy, yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại là chính đáng, song cần chấp nhận các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe của bị hại gồm có các khoản thực tế đã chi trong thời gian điều trị tại các bệnh viện có hóa đơn, chứng cứ đã có gồm các khoản:

- Chụp XQ sọ não (28/8/2018): 1.072.000đồng
- Khám ngoại (28/8/2018): 39.000đồng
- Cước dịch vụ An sinh (28/8/2018): 2.600.000đồng
- Mua thuốc ngoài Bảo hiểm (28/8/2018): 2.755.000đồng
- Thanh toán dịch vụ (29/8/2018): 4.000.000đồng
- Mua nẹp cổ (29/8/2018): 48.000đồng
- Thanh toán điều trị nội trú (31/8/2018): 2.984.000đồng
- Tiền thuốc (05/9/2018): 958.300đồng

- Tổng chi phí dịch vụ (05/9/2018): 37.269.826đồng
 - Cước dịch vụ An sinh (06/9/2018): 2.600.000đồng
 - Thanh toán tiền viện (14/9/2018): 8.379.000đồng
 - Thanh toán giường nằm (14/9/2018): 1.800.000đồng
 - Khám lại tại BV Việt Đức (04/10/2018): 837.000đồng
 - Chụp XQ (04/10/2018): 163.000đồng
 - Mua thuốc (04/10/2018): 1.214.000đồng
 - Thuê xe đi khám (04/10/2018): 2.000.000đồng
 - Khám tại Trung tâm giám định pháp y tỉnh Tuyên Quang (26/11/2018): 190.000đồng
 - Khám nội (12/12/2018): 350.000đồng
 - Chụp cắt lớp tại bệnh viện 178 Thái Hà (12/12/2018): 1.500.000đồng
 - Khám thăm dò chức năng (12/12/2018): 140.000đồng
- Tổng cộng là 70.203.000đồng

Đối với khoản thu nhập thực tế bị mất của bị hại, chấp nhận bồi thường thu nhập bị mất trong thời gian 03 tháng là phù hợp, với tổng số tiền là 13.500.000đồng (4.500.000đồng/tháng x 3 tháng).

Đối thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị 18 ngày, chấp nhận đối với 01 người, cụ thể: 150.000đồng/ngày x 18 ngày x 01 người = 2.700.000đồng.

Thu nhập thực tế bị mất của 01 người chăm sóc bị hại sau thời gian mổ tại nhà là 01 tháng x 4.500.000đồng/tháng = 4.500.000đồng.

Tổng cộng thiệt hại do sức bị xâm hại đối với bị hại là 90.903.000đồng (*Chín mươi triệu chín trăm linh ba nghìn đồng*).

Bị hại nhất trí với các thiệt hại như trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm thiệt hại gì khác hay khoản tiền nào khác.

Trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi nên bị hại cũng phải chịu một phần ba thiệt hại trên.

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền là 60.602.000đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng*).

Trường hợp bị cáo chậm trả tiền thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ 01 viên bê tông không rõ hình dạng và 01 thanh kim loại hình cánh cung không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

(Tình trạng vật chứng thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/7/2019 giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị Đ phạm tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Đ 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Trương Thị T số tiền 60.602.000đồng (*Sáu mươi triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng*).

Trường hợp bị cáo chậm trả tiền thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 viên bê tông không rõ hình dạng và 01 thanh kim loại hình cánh cung.

(Tình trạng vật chứng thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/7/2019 giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

4. Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Đặng Thị Đ phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.030.000đồng (Ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *VKSND thành phố TQuang;*
- *VKSND tỉnh TQuang;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;*
- *Cơ quan THAHS TPTQuang;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;*
- *UBND P. Hưng Thành;*
- *Lưu HSVÀ.*

Phạm Thị Hương Giang